**Thuật ngữ lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lao động** | Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần để thoả mãn nhu cầu của bản thân và xã hội, là hoạt động gắn liền với sự hình thành phát triển của loài người. Lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả là nhân tố quyết định sự phát triển xã hội. Lao động được coi là hoạt động chủ yếu, là quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người. Lao động ngày càng phát triển theo hướng chuyên môn hoá và hợp tác hoá. Nhờ đó, từ nhiều thế kỷ nay đã hình thành bộ môn khoa học riêng chuyên nghiên cứu về lao động gọi là khoa học lao động. |
| **Sức lao động** | Là khả năng về trí lực và thể lực của con người để tiến hành lao động (được hiểu như là khả năng lao động). |
| **Tuổi lao động** | Là khoảng thời gian con người có khả năng lao động để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật lao động quy định. Theo Bộ luật lao động Việt Nam, tuổi lao động đối với nam từ 15-60 tuổi và đối với nữ từ 15-55 tuổi. |
| **Dân số vàng** | DÂN SỐ VÀNG là dân số trong thời kỳ mà tỷ lệ người trong độ tuổi lao động lớn gấp hai lần số người phụ thuộc. Thời kỳ dân số vàng ở Việt Nam có thể kéo dài từ năm 2010 đến năm 2040. |
| **An toàn của quá trình sản xuất** | Tính chất của quá trình sản xuất đảm bảo được tình trạng an toàn trong suốt thời gian quy định khi thực hiện các thông số đã cho (TCVN). |
| **An toàn bức xạ** | Trạng thái bức xạ có tính chất, thông số đảm bảo được an toàn cho con người và môi trường  |
| **Hiệu suất hoạt động** | Là việc đạt được hiệu quả đầu ra tối đa từ việc sử dụng một nguồn lực cho trước để thực hiện một hoạt động nào đó. |
| **Kỹ năng** | Là một khả năng hoặc năng lực cụ thể để hoàn thành tốt một công việc nào đó do người lao động được học và thực hành. Trình độ kỹ năng được đo bằng học vấn chính thức, đào tạo tại chỗ, kinh nghiệm và khả năng tự nhiên |
| **Người sử dụng lao động** | Là cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp có thuê và trả công cho người lao động. |
| **An toàn của thiết bị sản xuất** | Tính chất của thiết bị đảm bảo được tình trạng an toàn khi thực hiện các chức năng đã quy định trong những điều kiện xác định và trong suốt thời gian quy định (TCVN). |
| **An toàn và sức khỏe nghề nghiệp** | Là mục đích của công tác bảo hộ lao động đảm bảo an toàn và sức khoẻ người lao động trong lao động. |
| **Bảo hộ lao động** | - Hệ thống các giải pháp về pháp luật, khoa học, kĩ thuật, tổ chức, kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm an toàn và sức khoẻ của người lao động trong quá trình lao động sản xuất. Nội dung bao gồm: 1) Xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về bảo đảm |
| **Báo cáo an toàn** | Văn bản có những thông tin về kĩ thuật quản lí hoặc điều hành, mức độ nguy hại có nguy cơ dẫn đến tai nạn, bệnh tật, việc khắc phục, phòng tránh các mối nguy hại và đề xuất những biện pháp an toàn. |
| **Báo cáo tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp** | Việc thực hiện các thủ tục quy định người sử dụng lao động, người lao động báo cáo người giám sát, quản lí trực tiếp mình, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền về: tai nạn lao động, tổn thương lao động; các trường hợp bị nghi mắc bệnh nghề nghiệp, mắc bệnh nghề nghiệp; tai nạn đi đường, các sự cố. |
| **Báo cáo về bảo hộ lao động** | Văn bản tổng kết, đánh giá về tình hình, kết quả công tác bảo hộ lao động và phương hướng triển khai thực hiện tiếp theo.  |
| **Bộ phận bảo hộ lao động của doanh nghiệp** | Tổ chức hoặc cá nhân làm công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp do người sử dụng lao động thành lập hoặc chỉ định. |
| **Rủi ro con người** | Là các rủi ro hay những đe dọa đối với con người, bao gồm: 1) rủi ro tự nhiên; (2) rủi ro môi trường; (3) rủi ro sức khỏe; (4) rủi ro chu kì sống; (5) rủi ro kinh tế; (6) rủi ro xã hội; (7) rủi ro chính trị. |
| **Cứu hộ** | Hoạt động được tiến hành trong tình huống khẩn cấp nhằm cứu người và tài sản. Trước khi tiến hành cứu hộ phải kiểm tra hiện trường, xem xét các yếu tố nguy hiểm, tình trạng nạn nhân để có biện pháp xử lí thích hợp.  |
| **Ðiều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ** | Ðiều kiện làm việc không phù hợp với tâm sinh lí phụ nữ được pháp luật qui định cấm sử dụng lao động nữ. |
| **Ðiều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ có thai, đang cho con bú và lao động nữ vị thành niên** | Ðiều kiện lao động có tác động xấu đến chức năng sinh đẻ, nuôi con của phụ nữ do pháp luật qui định. |
| **Ðiều tra tai nạn lao động** | Tìm hiểu, xác định nguyên nhân tai nạn lao động theo trình tự sau: - Xem xét hiện trường; - Thu thập tài liệu, vật chứng có liên quan đến vụ tai nạn lao động; - Lấy lời khai của nạn nhân, người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ tai nạn lao động; - Xác định diễn biến của vụ tai nạn lao động; nguyên nhân của vụ tai nạn lao động; các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn; xác định trách nhiệm và hình thức xử lí đối với những người có lỗi trong vụ tai nạn lao động; - Lập biên bản điều tra tai nạn lao động; - Hoàn chỉnh hồ sơ vụ tai nạn lao động.  |
| **Giới hạn an toàn dưới** | Ngưỡng giá trị mà nếu các chỉ số quy định chưa đạt tới thì sẽ gây nguy hiểm cho con người.  |
| **Giới hạn an toàn trên** | Ngưỡng giá trị mà nếu các chỉ số quy định vượt quá thì sẽ gây nguy hiểm cho con người.  |
| **Hình thức khen thưởng về an toàn- vệ sinh lao động** | Hình thức ghi nhận cá nhân, tập thể có thành tích về an toàn - vệ sinh lao động, cụ thể: Ðối với tập thể là giấy khen, bằng khen, cờ thi đua, huân chương lao động; đối với cá nhân là giấy khen, bằng khen, huân chương lao động. |
| **Hình thức lao động trẻ em tồi tệ** | 1) Những hình thức nô lệ hay những tập tục giống như nô lệ, như buôn bán trẻ em, giam cầm thế nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng ép hay bắt buộc để sử dụng trong các cuộc xung đột có vũ trang; 2) Việc sử dụng, mua bán hay chào mời trẻ em cho mục đích mại dâm, cho việc sản xuất sách báo hay các chương trình khiêu dâm; 3) Việc sử dụng, mua bán hay chào mời trẻ em cho các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt cho việc sản xuất và buôn lậu ma tuý. 4) Những công việc có khả năng làm hại đến sức khoẻ, sự an toàn hay đạo đức của trẻ em, do bản chất của công việc hay do hoàn cảnh, điều kiện tiến hành công việc. |
| **Hàng hoá nguy hiểm** | Loại hàng hoá có đặc tính dễ nổ, dễ cháy, ăn mòn, độc, gây truyền nhiễm, có thể tác động xấu đến sức khoẻ con người, tài sản, môi trường. |
| **Hồ sơ an toàn - vệ sinh lao động** | Tập hợp các thông tin được lưu trữ dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử liên quan đến an toàn- vệ sinh lao động. |
| **Hồ sơ sức khoẻ lao động** | Tập hợp một cách có hệ thống các thông tin, dữ liệu về sức khoẻ người lao động hoặc có liên quan đến sức khoẻ người lao động. |
| **Hồ sơ tai nạn lao động** | Tập hợp một cách có hệ thống các thông tin, chứng cứ, dữ liệu về tai nạn lao động. |
| **Hồ sơ thanh tra an toàn vệ sinh lao động** | Tập hợp một cách có hệ thống các tài liệu có liên quan đến công tác thanh tra an toàn - vệ sinh lao động.  |
| **Hội đồng bảo hộ lao động trong doanh nghiệp** | Là tổ chức do người sử dụng lao động quyết định thành lập với số lượng thành viên tuỳ theo quy mô của doanh nghiệp, nhưng ít nhất cũng bao gồm đại diện người sử dụng lao động, đại diện người lao động, cán bộ làm công tác bảo hộ lao động, cán bộ y tế. Ðại diện người sử dụng lao động làm Chủ tịch HÐBHLÐ; đại diện của Ban chấp hành công đoàn doanh nghiệp làm Phó chủ tịch HÐBHLÐ; trưởng bộ phận hoặc cán bộ theo dõi công tác bảo hộ lao động của doanh nghiệp là uỷ viên thường trực kiêm thư ký HÐBHLÐ. HÐBHLÐ chịu trách nhiệm tổ chức phối hợp và tư vấn về các hoạt động bảo hộ lao động ở doanh nghiệp và đảm bảo quyền được tham gia và kiểm tra giám sát về bảo hộ lao động của tổ chức công đoàn. |
| **Huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động** | Hoạt động giảng dạy, hướng dẫn và phổ biến kiến thức về an toàn - vệ sinh lao động. |
| **Nguồn nguy hiểm** | Nơi phát sinh tác nhân có thể ảnh hưởng, nguy hiểm hoặc có hại đối với con người, môi trường. |
| **Nguy cơ** | Mối nguy hiểm hoặc tác hại có khả năng xảy ra trong thực tế nếu không có các biện pháp ngăn chặn kịp thời.  |
| **Phân tích tai nạn lao động** | Xem xét, tìm hiểu và phân tích một cách chi tiết về nguyên nhân khách quan, chủ quan gây tai nạn lao động và sự liên quan giữa chúng để đưa ra đánh giá về tình hình tai nạn lao động. |
| **Phương pháp đánh giá** | Các công cụ, phương tiện và kỹ thuật phân tích để đánh giá một tình huống hay vấn đề cụ thể. |
| **Phòng chống tai nạn lao động (PCTNLÐ)** | Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, loại trừ những nguy cơ gây tai nạn lao động, sự cố xảy ra trong lao động sản xuất hướng vào máy, dụng cụ, thiết bị, công trình, tổ chức lao động và con người thông qua pháp luật, nội quy, tiêu chuẩn, kiểm tra, kiểm soát, huấn luyện và đào tạo, phổ biến thông tin, điều tra. |
| **Quy phạm an toàn lao động** | Các quy tắc, thủ tục yêu cầu do cơ quan có thẩm quyền ban hành phải được thực hiện để bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động  |
| **Sự thích nghi (ATLĐ)** | Khả năng cơ thể con người chấp nhận các điều kiện không khí, nhiệt độ, độ ẩm, hơi nóng. |
| **Tư thế lao động gò bó** | Tư thế làm việc không phù hợp với hoạt động tâm sinh lí bình thường và nhân trắc của cơ thể con người trong lao động. |
| **Tình huống khẩn cấp** | Tình trạng sự việc có thể gây nguy hiểm, rủi ro cho con người, tài sản, môi trường cần nhanh chóng được xử lí. |
| **Tổng kết rút kinh nghiệm về bảo hộ lao động** | Tổ chức đánh giá kết quả công tác bảo hộ lao động của kì kế hoạch đã được thực hiện nhằm phân tích các mặt được và chưa được, tìm ra các thiếu sót, tồn tại và rút ra bài học kinh nghiệm; tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị và cá nhân làm tốt công tác bảo hộ lao động, phát động phong trào thi đua bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.  |
| **Tai nạn đi đường được coi là tai nạn lao động** | Tai nạn xảy ra trên đường đi giữa nơi làm việc và nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người lao động vào thời gian và tại địa điểm hợp lý (trên tuyến đường đi và về thường xuyên hàng ngày). |
| **Tai nạn lao động** | 20. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động, kể cả trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh kinh nguyệt, tấm rửa, cho con bú, đi vệ sinh, chuẩn bị và kết thúc công việc tại nơi làm việc. Tai nạn được coi là tai nạn lao động là tai nạn xảy ra tại địa điểm và thời gian hợp lý khi người lao động đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở. Tai nạn lao động được phân loại như sau: Tai nạn lao động chết người; Tai nạn lao động nặng; Tai nạn lao động nhẹ.  |
| **Tai nạn lao động chết người** | Người bị tai nạn lao động chết ngay tại nơi xảy ra tai nạn; chết trên đường đi cấp cứu; chết trong thời gian cấp cứu; chết trong thời gian đang điều trị; chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động gây ra trong thời gian cho đến khi người bị tai nạn lao động nghỉ hưu. |
| **Tai nạn lao động phải thống kê, báo cáo** | Các vụ tai nạn lao động mà người bị tai nạn lao động phải nghỉ việc từ một ngày trở lên. |
| **Tần suất tai nạn lao động** | Số vụ hoặc số trường hợp bị tai nạn lao động xảy ra tính theo đơn vị thời gian. Tần suất tai nạn lao động thường được tính cho 1 triệu giờ lao động hoặc trên 1000 lao động trong một năm làm việc. |
| **Thống kê về bảo hộ lao động** | Lập sổ sách và tập hợp, ghi chép các nội dung cần phải theo dõi, giám sát, báo cáo về công tác bảo hộ lao động theo quy định hiện hành. Các số liệu thống kê, phân tích về bảo hộ lao động phải được lưu giữ ít nhất là 5 năm ở cấp phân xưởng và 10 năm ở cấp doanh nghiệp để làm cơ sở phân tích và đưa ra chiến lược lâu dài cho các chính sách và giải pháp đối với công tác bảo hộ lao động ở doanh nghiệp. |
| **Thiết bị an toàn** | Phương tiện dùng để phòng ngừa hoặc làm giảm tác động của các yếu tố nguy hiểm, có hại trong sản xuất đối với người lao động. |
| **Thiết bị cảnh báo an toàn** | Phương tiện được bố trí ở nơi làm việc hoặc máy, thiết bị để phát hiện ra những bất thường của các đối tượng mà nó cần giám sát; thông báo cho mọi người biết mức độ mất an toàn, kịp thời có các biện pháp xử lí để đảm bảo an toàn cho người và tài sản. |
| **Thủ tục bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp** | Yêu cầu về hồ sơ, trình tự để thực hiện chế độ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.  |
| **Thể lệ bảo hộ lao động** | Các quy định nhằm bảo đảm việc thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động như: chế độ trách nhiệm của cán bộ quản lí của tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động; kế hoạch công tác bảo hộ lao động; chế độ về thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về bảo hộ lao động; chế độ thanh tra, kiểm tra bảo hộ lao động; chế độ về khai báo, điều tra, thống kê tai nạn lao động, v.v. |
| **Tiêu chuẩn cho phép** | Giới hạn các thông số kĩ thuật cần phải đạt được do các cơ quan có thẩm quyền quy định. |
| **Tiêu chuẩn an toàn lao động** | Các quy định an toàn được đặt ra làm chuẩn bắt buộc phải thoả mãn nếu không sẽ dẫn đến tình trạng mất an toàn lao động. Tiêu chuẩn an toàn được phân ra làm nhiều cấp độ khác nhau: (1) Tiêu chuẩn an toàn cấp Nhà nước do cơ quan được Chính phủ uỷ nhiệm ban hành, mọi đối tượng bắt buộc phải thực hiện; (2) Tiêu chuẩn an toàn ngành do các ngành ban hành và các đối tượng thuộc chuyên ngành đó phải thực hiện; (3) Tiêu chuẩn an toàn cấp cơ sở, ít nhất đạt được bằng các tiêu chuẩn cấp Nhà nước và tiêu chuẩn cấp ngành, kèm theo các tiêu chuẩn khác mà cơ sở đặt thêm ra cho mình. |
| **Tiện nghi nơi làm việc** | Các phương tiện được bố trí nhằm duy trì, phục hồi và chăm sóc sức khoẻ người lao động, bao gồm: Nước sạch để uống và sử dụng; nhà vệ sinh và đồ dùng để rửa ráy; chỗ để thay, cất và phơi quần áo; chỗ nghỉ ngơi, ngồi ăn uống, chỗ trú mưa nắng khi phải tạm ngừng công việc do thời tiết xấu; chỗ hoặc phòng sơ cấp cứu. |
| **Vùng nguy hiểm** | Phạm vi, khu vực hoặc không gian nơi có mối nguy hiểm hoặc/và chịu tác động của mối nguy hiểm. |
| **Vệ sinh công nghiệp** | Các biện pháp nhằm phát hiện và đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu các yếu tố có hại cho sức khoẻ người lao động trong môi trường lao động. |
| **Vệ sinh lao động** | Hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức, vệ sinh và kĩ thuật vệ sinh nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong lao động, sản xuất đối với người lao động. |
| **Vệ sinh sản xuất** | Hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức, vệ sinh học và kĩ thuật vệ sinh nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người lao động (TCVN). |
| **Y học lao động** | Khoa học nghiên cứu, phát hiện và đánh giá các yếu tố có hại trong môi trường lao động, các vấn đề về tâm sinh lí trong lao động; đưa ra các tiêu chuẩn về ngưỡng cho phép trong môi trường lao động; đề xuất các biện pháp nhằm loại trừ và kiểm soát các yếu tố có hại, giải quyết các vấn đề sức khoẻ người lao động có liên quan đến công việc và môi trường lao động. |
| **Y tế lao động** | Bộ môn căn cứ vào những ảnh hưởng của môi trường lao động đến con người, các nghiên cứu để tư vấn cho người sử dụng lao động và người lao động tạo ra và duy trì một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, người lao động có được sức khỏe tốt (cả thể chất và tinh thần); tạo sự phù hợp giữa công việc với năng lực thể chất và tinh thần của người lao động; chữa trị, ngăn ngừa các rủi ro đối với sức khoẻ người lao động ở nơi làm việc. |
| **Yêu cầu an toàn lao động** | Các yêu cầu phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn lao động (TCVN). |
| **Yếu tố có hại trong sản xuất** | Yếu tố có trong môi trường lao động tác động xấu đến sức khoẻ người lao động. |
| **Yếu tố gây chấn thương trong lao động** | cn. Yếu tố gây chấn thương sản xuất Yếu tố có sẵn hoặc xuất hiện trong quá trình lao động có thể gây chấn thương cho người lao động, bao gồm: 1) Yếu tố nguy hiểm gây chấn thương nhanh đe doạ ngay tức khắc đến sức khoẻ, tính mạng người lao động khi tiếp xúc và có thể để lại di chứng; 2) Yếu tố gây chấn thương chậm có tác động xấu đến sức khoẻ người lao động khi tiếp xúc trong một thời gian dài hoặc nhiều lần hoặc chỉ biểu hiện ra sau một thời gian nhất định.  |
| **Yếu tố nguy hiểm trong môi trường lao động** | cn. Yếu tố nguy hiểm trong sản xuất (cũ) Yếu tố có trong môi trường lao động có thể gây chấn thương, bệnh tật nguy hiểm cho người lao động và làm thiệt hại về tài sản, môi trường  |